

Các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam

ĐẶNG THÀNH CƯỜNG*
PHẠM THỊ HỒNG TÌNH**
BÙI THỊ HẰNG***

Tóm tắt

Để tiến hành ước lượng các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng, nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính đã qua kiểm toán của 25 doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trong giai đoạn 2015-2020. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: doanh nghiệp xây dựng, hiệu quả kinh doanh, thị trường chứng khoán

Summary

The study uses secondary data collected from audited financial statements of 25 construction enterprises listed on Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) in the period 2015-2020 to estimate factors affecting their business performance. Based on the obtained results, the authors propose policy implications to improve business performance of listed construction enterprises in Vietnam in the coming time.

Keywords: construction enterprises, business efficiency, stock market

GIỚI THIỆU

Sự gia nhập các hiệp định thương mại tự do đã mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội đầu tư, cũng như nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị, kiến trúc... dẫn đến sự phát triển tất yếu của các doanh nghiệp xây dựng. Mặc dù vậy, sự cạnh tranh gay gắt với các đối thủ nước ngoài mạnh hơn về vốn, công nghệ, kèm theo các cuộc khủng hoảng kinh tế gần đây cùng với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19... đã gây ra cho các doanh nghiệp xây dựng không ít khó khăn, thách thức. Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng là cần thiết để đưa ra giải pháp nhằm duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp xây dựng (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Wei Xu và cộng sự (2005) đã chỉ ra rằng, hiệu quả kinh doanh chịu tác động rất lớn bởi tỷ lệ nợ trên vốn

chủ sở hữu. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu có tác động cùng chiều đến hiệu quả kinh doanh khi ở mức tỷ lệ nợ thấp và ngược chiều khi ở mức tỷ lệ nợ cao. Quy mô doanh nghiệp có tác động cùng chiều đến hiệu quả kinh doanh trọng yếu ở mô hình tuyến tính, còn trong mô hình phi tuyến tính thì ngược lại, không có thay đổi trọng yếu. Nhóm tác giả cũng nhận thấy, tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản không ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Zeitun và Tian (2007) cho biết, tăng trưởng, quy mô, thuế và các biến liên quan đến cấu trúc vốn, bao gồm: tỷ lệ nợ trên tổng tài sản, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên tổng tài sản và tỷ lệ nợ dài hạn trên tổng tài sản đều có ảnh hưởng đáng kể và tích cực đến lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

Abbasali Pouraghajan và cộng sự (2012) khẳng định, cấu trúc vốn nợ ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp; tỷ lệ nợ có

* TS., **, ***, Trường Kinh tế, Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 01/12/2021; Ngày phản biện: 25/12/2021; Ngày duyệt đăng: 15/01/2022

tác động ngược chiều tới hiệu quả kinh doanh với các mức độ khác nhau; quy mô doanh nghiệp tác động tích cực và đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; việc tăng tỷ trọng tài sản cố định có tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh; tốc độ tăng trưởng của tài sản tác động cùng chiều đến hiệu quả kinh doanh.

Zahid Bashir và cộng sự (2013) cho rằng, hiệu quả hoạt động của công ty dệt may bị ảnh hưởng đáng kể bởi đòn bẩy ngắn hạn, quy mô, rủi ro, thuế và lá chắn thuế phi nợ.

Đỗ Dương Thanh Ngọc (2011) sử dụng số liệu truy xuất từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 40 doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2010. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong các biến xem xét (tỷ lệ nợ; quy mô doanh nghiệp; tốc độ tăng trưởng tổng tài sản; tỷ trọng tài sản cố định), thì chỉ có tỷ lệ nợ tác động rất mạnh đến hiệu quả kinh doanh - được đo lường bởi chỉ số ROA.

Nguyễn Lê Thanh Tuyền (2013) chỉ ra 5 nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: tốc độ tăng trưởng; quản trị nợ phải thu khách hàng; đầu tư tài sản cố định; cơ cấu vốn; rủi ro kinh doanh.

Đoàn Thùy Dương và Đinh Thế Hùng (2014) kết luận, hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tác động ngược chiều với khả năng sinh lời, trong khi cơ cấu sở hữu có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời. Phần giá trị khấu hao trên tổng tài sản và quy mô doanh nghiệp không có mối quan hệ với ROE và EPS. Ngoài ra, cơ hội tăng trưởng cũng không ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh lời.

Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả đã lựa chọn 9 nhân tố cơ bản tác động đến hiệu quả kinh doanh (đại diện bởi ROA) của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam, bao gồm: Cấu trúc vốn (TDTE); Quy mô doanh nghiệp (SIZE); Tốc độ tăng trưởng (GROWTH); Quản trị nợ phải thu (RETURN); Đầu tư tài sản cố định (TANG); Tính thanh khoản (LIQ); Thuế thu nhập doanh nghiệp (TAX); Tăng trưởng kinh tế (GDP); Lạm phát (INF). Mô hình hồi quy tuyến tính được xây dựng như sau:



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

$$ROA_t = \alpha_0 + \alpha_1 TDTE_t + \alpha_2 SIZE_t + \alpha_3 GROWTH_t + \alpha_4 RETURN_t + \alpha_5 TANG_t + \alpha_6 LIQ_t + \alpha_7 TAX_t + \alpha_8 GDP_t + \alpha_9 INF_t + u$$

Nghiên cứu này được thực hiện trong giai đoạn Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Đại dịch Covid-19 và các đợt phong tỏa kéo dài đã làm suy yếu tiêu dùng và đầu tư, hạn chế triển vọng tăng trưởng của Việt Nam, gây khó khăn lớn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Do đó, bên cạnh các nhân tố nội tại của doanh nghiệp, nhóm tác giả cũng xem xét một số yếu tố vĩ mô có khả năng tác động đến hiệu quả kinh doanh, như: Tăng trưởng kinh tế (GDP) và Lạm phát (INF). Mô hình nghiên cứu được trình bày tại Hình 1.

Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành ước lượng các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng, nhóm tác giả sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính đã qua kiểm toán của 25 doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên sàn HSX giai đoạn 2015-2020. Thông qua các số liệu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh, nhóm tác giả đã tính toán số liệu về biến phụ thuộc ROA và các biến độc lập có trong mô hình nghiên cứu. Các biến phụ thuộc, biến độc lập đã thu thập được tổ chức thành dữ liệu bảng (Panel data) theo từng doanh nghiệp, phân bố theo từng năm. Riêng dữ liệu về GDP và INF được lấy từ Tổng cục Thống kê.

Với 25 doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên HSX, nhóm tác giả đã thu thập được chuỗi dữ liệu thời gian gồm 150 quan sát, đảm bảo yêu cầu trong phân tích chuỗi dữ liệu thời gian (tối thiểu 30 quan sát). Dữ liệu sau khi được thu thập về tiến hành mã hóa, kiểm tra. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng bằng cách sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bảng, sử dụng phần mềm Eviews 10.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông kê mô tả các biến

Bộ dữ liệu dùng để chạy mô hình gồm 150 quan sát của doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên HSX giai đoạn 5 năm (2015-2020) đã được chọn lọc để phù hợp với mô hình hồi quy. Bảng 1 cho biết trung bình, trung vị, đơn vị lớn nhất, đơn vị nhỏ nhất của từng biến độc

lập. Điều này góp phần tóm tắt hóa lại bộ cơ sở dữ liệu và giúp người đọc hình dung được sơ bộ các đặc điểm của mẫu nghiên cứu.

Bảng 2 cho thấy, cặp biến có hệ số tương quan khá thấp (dưới 0.6). Có thể nói, các cặp biến có tương quan không chặt với nhau. Vì vậy, kết quả thu được sẽ khá chính xác do hiện tượng không tách được ảnh hưởng của các biến độc lập tới biến phụ thuộc không xảy ra trong mô hình này.

Kết quả hồi quy

Từ việc chạy mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là ROA cùng 9 biến độc lập (TDTE, SIZE, GROWTH, RETURN, TANG, LIQ, TAX, GDP, INF) với 150 quan sát, nhóm tác giả đã tổng hợp được kết quả tại Bảng 3.

Như vậy, kết quả chạy mô hình hồi quy cho thấy, có 6 biến có tác động đến biến phụ thuộc ROA. Trong đó, TDTE (Cấu trúc vốn), SIZE (Quy mô doanh nghiệp), GDP (Tăng trưởng kinh tế) có mối tương quan chặt chẽ với ROA ở mức ý nghĩa 1%; GROWTH (Tốc độ tăng trưởng), RETURN (Quản trị nợ phải thu), TANG (Đầu tư tài sản cố định) có tương quan chặt với ROA ở mức ý nghĩa 5%. Hệ số của các biến độc lập cho thấy mức độ biến động của các biến phụ thuộc, khi biến độc lập thay đổi. Cụ thể:

- TDTE có mối quan hệ nghịch biến với ROA. Khi TDTE tăng (giảm) 1 đơn vị sẽ khiến cho ROA giảm (tăng) 0.006207 đơn vị với mức ý nghĩa 1%.

- SIZE có mối quan hệ đồng biến với ROA. Khi SIZE tăng (giảm) 1% sẽ khiến cho ROA tăng (giảm) 1.86E-09 đơn vị, với mức ý nghĩa 1%.

BẢNG 1: SỐ LIỆU VỀ TRUNG BÌNH, TRUNG VỊ CÁC BIẾN

Chỉ tiêu	Trung bình	Trung vị	Giá trị lớn nhất	Giá trị bé nhất	Phương sai
ROA	0.033713	0.029219	0.121128	-0.227888	0.036360
TDTE	2.396398	2.033514	8.433182	0.030410	1.640512
SIZE	4502428	1972464	29547034	200863.7	5742224
GROWTH	2.183031	1.023892	44.34087	-0.782763	4.857750
RETURN	288.1706	180.3572	1680.189	8.050131	340.5507
TANG	0.178716	0.076548	0.862873	0.004678	0.201615
LIQ	1.611837	1.2533735	17.83288	0.264650	1.861280
TAX	0.209449	0.202802	1.239194	-1.559620	0.272835
GDP	5.26E+15	5.27E+15	6.29E+15	4.19E+15	7.69E+14
INF	0.025150	0.026950	0.035400	0.006300	0.010005

BẢNG 2: MA TRẬN HỆ SỐ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN

	ROA	TDTE	SIZE	GROWTH	RETURN	TANG	LIQ	TAX	GDP	INF
ROA	1.00000									
TDTE	-0.27456	1.00000								
SIZE	0.09842	0.05295	1.00000							
GROWTH	0.12451	0.04579	-0.16225	1.00000						
RETURN	-0.15677	-0.02060	0.46871	-0.33606	1.00000					
TANG	-0.11248	0.08674	-0.04014	0.56959	-0.11362	1.00000				
LIQ	0.07981	-0.08246	-0.09347	-0.03259	-0.06598	-0.18614	1.00000			
TAX	-0.03577	0.00359	0.02498	-0.08234	0.04409	-0.14939	0.00831	1.00000		
GDP	-0.25878	0.01047	0.19519	0.00185	0.14674	0.09828	-0.00027	-0.03071	1.00000	
INF	-0.05832	-0.00657	0.07669	-0.01612	0.05563	0.05401	-0.04282	0.06344	0.34183	1.00000

Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Eviews

- GROWTH có mối quan hệ đồng biến với ROA. Khi GDP tăng (giảm) 1% sẽ khiến cho ROA tăng (giảm) 0.001749 đơn vị, với mức ý nghĩa 5%.

- RETURN có mối quan hệ nghịch biến với ROA. Khi RETURN tăng (giảm) 1 đơn vị sẽ khiến cho ROA giảm (tăng) 2.15E-05 đơn vị, với mức ý nghĩa 5%.

- TANG có mối quan hệ nghịch biến với ROA. Khi TANG tăng (giảm) 1 đơn vị sẽ khiến cho ROA giảm (tăng) 0.037483 đơn vị, với mức ý nghĩa 5%.

- GDP có mối quan hệ nghịch biến với ROA. Khi GDP tăng (giảm) 1 đơn vị sẽ khiến cho ROA giảm (tăng) 1.33E-17 đơn vị, với mức ý nghĩa 1%.

Các biến độc lập khác (LIQ, TAX và INF) đều không có ý nghĩa thống kê. Hay nói cách khác, Tính thanh khoản, Thuế thu nhập doanh nghiệp và Lạm phát không có ảnh hưởng đến ROA.

Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Kết quả hồi quy lại sau khi loại bỏ 3 biến LIQ, TAX và INF cho thấy, Pro (F-Statistic) = 0.000000 < 0.05, nên mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê. R² hiệu chỉnh = 0.228073, nên mô hình giải thích được 22.81% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Hệ số P-value của các biến: TDTE, SIZE, GDP đều < 0.01, nên các biến đều có ý nghĩa với độ tin cậy 99%. Hệ số P-value của các biến: GROWTH, RETURN, TANG < 0.05, nên các biến đều có ý nghĩa với độ tin cậy 95% (Bảng 4).

Kiểm định khuyết tật của mô hình

Kiểm định phân phối chuẩn

Biểu đồ phân phối phần dư (Hình 2) cho thấy, phần dư đạt phân phối chuẩn, với giá trị trung bình bằng -6.31E-16, giá trị độ lệch chuẩn là 0.969.

Kiểm định khuyết tật đa cộng tuyến

Kết quả Bảng 5 cho biết, hệ số VIF của các biến độc lập đều < 2, nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

BẢNG 3: KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH HỒI QUY

Biến phụ thuộc: ROA	Hệ số
Hằng số (C)	0.115264***
TDTE	-0.006207***
SIZE	1.86E-09***
GROWTH	0.001749**
RETURN	-2.15E-05**
TANG	-0.037483**
LIQ	0.000823
TAX	-0.007578
GDP	-1.33E-17***
INF	0.163080
R ²	0.265307
R ² hiệu chỉnh	0.218077
Prob (F-Statistic)	0.000001
Thống kê Durbin-Watson	1.011026

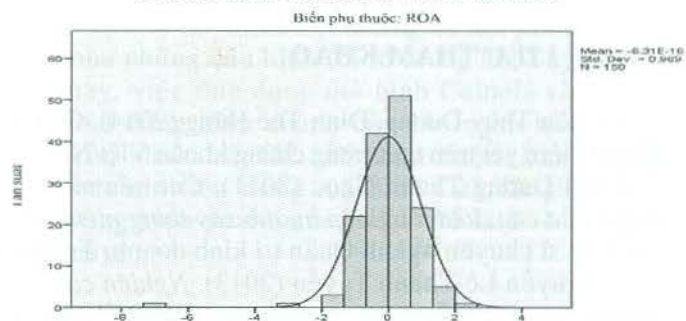
Lưu ý: **, *** có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, 1%

BẢNG 4: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY SAU KHI ĐÃ LOẠI BỎ BIẾN LIQ, TAX VÀ INF

Biến phụ thuộc: ROA	Hệ số
Hằng số (C)	0.114965***
TDTE	-0.006299***
SIZE	1.84E-09***
GROWTH	0.001753**
RETURN	-2.19E-05**
TANG	-0.037338**
GDP	-1.24E-17***
R ²	0.259157
R ² hiệu chỉnh	0.228073
Prob (F-Statistic)	0.000000
Thống kê Durbin-Watson	1.041130

Lưu ý: **, *** có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, 1%

HÌNH 2: BIỂU ĐỒ PHÂN PHỐI PHẦN DƯ



BẢNG 5: HỆ SỐ LẠM PHÁT PHƯƠNG SAI (VIF)

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
(Hằng số)	.115	.019		6.054	.000		
TDTE	-.006	.002	-.280	-3.832	.000	.983	1.017
SIZE	1.861E-09	.000	.294	3.529	.001	.756	1.322
GROWTH	.002	.001	.234	2.493	.014	.597	1.674
RETURN	-2.150E-005	.000	-.201	-2.327	.021	.700	1.428
TANG	-.037	.017	-.208	-2.262	.025	.622	1.609
LIQ	.001	.001	.042	.565	.573	.942	1.062
TAX	-.008	.010	-.057	-.773	.441	.969	1.032
GDP	-1.327E-017	.000	-.281	-3.548	.001	.838	1.193
INF	.163	.282	.045	.579	.563	.874	1.144

Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Eviews

Kiểm định khuyết tật phương sai sai số thay đổi

Nghiên cứu sử dụng kiểm định White để đánh giá xem mô hình có bị khuyết tật phương sai sai số thay đổi hay không, với giả thuyết được đặt ra như sau:

H₀: Mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi

H₁: Mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi

Kết quả kiểm định ở Bảng 6 cho thấy, Prob (F-statistic) = 0.1138 > 0.05 nên bác bỏ H₀, thừa nhận H₁. Hay nói cách khác, mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Kiểm định khuyết tật tự tương quan

Hệ số Durbin-Watson của mô hình hồi quy bằng 1.041130, nằm trong khoảng (1; 3). Chính vì vậy, mô hình không bị khuyết tật tự tương quan.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố có tác động đến Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết, trong đó: Cấu trúc vốn, Quản trị nợ phải thu, Đầu tư tài sản cố định, Tăng trưởng kinh tế có tác động ngược chiều; còn Quy mô doanh nghiệp và Tốc độ tăng trưởng có tác động cùng chiều đến Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam, như sau:

Một là, xây dựng cấu trúc vốn hợp lý

Cấu trúc vốn có tác động rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết, do đó những bất cập trong xây dựng cấu trúc vốn sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không tương xứng với tiềm năng và thế mạnh. Vì vậy, doanh nghiệp cần cơ cấu lại tỷ lệ vốn vay, phân bổ dòng tiền hiện có, nhằm đảm bảo khả năng tái đầu tư và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Hai là, mở rộng quy mô kinh doanh

Gia tăng quy mô đã được chứng minh là giúp tăng hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp tăng tài sản bằng cách vay nợ để đầu tư, mà năng lực quản lý yếu kém, thì gánh nặng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động. Do đó, doanh nghiệp

BẢNG 6: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH WHITE TEST

Kiểm định phương sai sai số thay đổi			
Giả thuyết vô hiệu: Phương sai phân dư là đồng nhất			
Phương trình: UNTITLED			
Chi tiết: ROA C TDTE SIZE GROWTH RETURN TANG GDP			
	Giá trị	df	Xác suất
Tỷ số tương đồng	33.73192	255	0.1138
Tóm tắt kiểm định tỷ số tương đồng			
	Giá trị	df	
LogL giới hạn	307.3022	143	
LogL không giới hạn	324.1681	143	

Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Eviews

không thể cứ gia tăng bất kỳ tài sản nào tùy thích, mà nên ưu tiên gia tăng vào tài sản ngắn hạn để cải thiện năng lực kinh doanh hiện hữu, trước khi tính toán tới việc gia tăng tài sản dài hạn, để có thể tăng trưởng ổn định lâu dài.

Ba là, xây dựng chiến lược bán hàng hợp lý nhằm tăng trưởng doanh thu

Để thực hiện điều này, doanh nghiệp có thể thực hiện các biện pháp, như: nâng cao hiệu quả marketing, nghiên cứu thị trường, quảng bá và định vị thương hiệu nhằm mở rộng thị phần; xây dựng hệ thống phân phối và chiến lược giá phù hợp; phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng công trình và giảm giá thành sản xuất...

Bốn là, quản lý chặt chẽ các khoản phải thu

Các doanh nghiệp xây dựng niềm yết cần xây dựng chính sách tín dụng hiệu quả để quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, nhưng cần đảm bảo sự linh

hoạt. Đối với khách hàng truyền thống có lịch sử uy tín, cần tạo điều kiện thuận lợi, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất để giữ chân khách hàng. Đối với các khách hàng mới hoặc khách hàng cũ còn chậm trễ trong nghĩa vụ thanh toán, cần thường xuyên nhắc nhở, tăng cường công tác thu hồi nợ bằng cách bố trí nhân sự theo dõi, quản lý chặt chẽ. Sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý công nợ, xây dựng hệ thống kiểm soát nợ có tính chuyên nghiệp giúp việc theo dõi khoản nợ nhanh chóng, chính xác, giảm bớt nhân sự trong công tác quản lý công nợ...

Năm là, xây dựng chính sách đầu tư tài sản cố định “khôn ngoan”

Để gia tăng hiệu quả kinh doanh, các doanh nghiệp xây dựng niềm yết cần xác định rõ nhu cầu thị trường, tình hình sản xuất, tình hình tài chính của doanh nghiệp..., trước khi đưa ra các quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị. Doanh nghiệp cũng cần tìm kiếm các nhà cung cấp, các phương thức đấu thầu phù hợp, nhằm giúp giảm giá tài sản cố định đầu tư. Để đảm bảo vận hành tốt, doanh nghiệp cần chú trọng các công tác bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng lớn trong quá trình sử dụng, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn Thùy Dương, Đinh Thế Hùng (2014). Cấu trúc nguồn vốn và khả năng sinh lời của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 12, 30-37
2. Đỗ Dương Thanh Ngọc (2011). Các yếu tố tài chính tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
3. Nguyễn Lê Thanh Tuyền (2013). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty ngành sản xuất chế biến thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, Đại học Đà Nẵng
4. Abbasali Pouraghajan, Esfandiar Malekian, Milad Emamgholipour, Vida Lotfollahpour, Mohammad Mohammadpour Bagheri (2012). The Relationship between Capital Structure and Firm Performance Evaluation Measures: Evidence from the Tehran Stock Exchange, *International Journal of Business and Commerce*, 1(9), 166-181
5. Marian Siminica, Daniel Circumaru, Dalia Simion (2011). The Correlation between the Return on Assets and the Measures of Financial Balance for Romanian Companies, *International journal of mathematical models and methods in applied sciences*, 2(6)
6. Wei Xu, Xiangzhen Xu, Shoufeng Zhang (2005). An Empirical Study on Relationship between Corporation Performance and Capital Structure, *China-USA Business Review*, 4(4), 49-53
7. Zahid Bashir, Ali Abbas, Shahid Manzoor, Muhammad Nadeem Akram (2013). Empirical Investigation of the Factors Affecting Firm's Performance: a Study Based on Food Sector of Pakistan, *International SAMANM Journal of Finance and Accounting*, 1(2)
8. Zeitun, Rami, Tian, Gary G., Capital (2007). Structure and corporate performance: evidence from Jordan, *Australasian Accounting, Business and Finance Journal*, 1(4), 40-61